

Bản án số: 342/2017/DS-ST

Ngày: 07/ 12/2017.

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Phạm Thị Kim Hoàng.

2. Bà: Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6,
Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2017/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đức T1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số 26 Đường A, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 124/1/106/15A đường , Phường X, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 21/8/2017)

2. Bị đơn: - Ông Võ Bình T2, sinh năm 1964;

- Bà Du Bích L, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: 232 Đường B, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2017 và Bản tự khai ngày 24/5/2017, nguyên đơn là ông Trần Đức T1 trình bày:

Ngày 05/7/2014, ông có cho ông Võ Bình T2 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay ông T2 có thể chấp cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V357467 số 2990/QSDĐ với diện tích 2.802 m² do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp cho ông Võ Bình T2 ngày 25/6/2002.

Sau khi vay tiền, ông T2 chỉ trả cho ông 02 kỳ tiền lãi với số tiền 8.000.000 đồng rồi không trả nữa. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông T2 thanh toán tiền nợ nhưng ông T2 đều hứa hẹn rồi không thực hiện. Ngày 10/4/2017 thì ông Võ Bình T2 và vợ là Du Bích L đến gặp ông xác nhận nợ lần cuối cùng về việc vợ chồng ông T2 còn nợ ông tổng số tiền 300.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý. Do đó, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Bình T2 và bà Du Bích L có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Tại bản tự khai ngày 23/8/2017, người đại diện theo ủy quyền của ông T1 là ông Nguyễn Văn Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện: ông Tr xác nhận phần nợ gốc của ông T2, bà L vay ông T1 là 200.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 05/7/2014 chứ không phải là 300.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/4/2017, nên yêu cầu ông T2, bà L trả số nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tr giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày nêu trên, không có thay đổi, bổ sung gì thêm.

- Theo bản tự khai ngày 24/5/2017 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Võ Bình T2 trình bày:

Ông thừa nhận giấy nhận nợ và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có nội dung như bên nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là đúng, chữ ký trong hợp đồng là chữ ký của ông. Ông xác nhận, ngày 05/7/2014 có vay của ông T1 số tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, ông đã đóng lãi được khoảng 12 tháng thì không có khả năng đóng nữa nên xin ông T1 ngưng đóng lãi, trả góp tiền gốc mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng ông T1 không đồng ý. Đối với số tiền lãi đã đóng ông không có sổ theo dõi, không có xác nhận của ông T1 về số tiền đã đóng và ông không nhớ chính xác số tiền lãi đã đóng là bao nhiêu.

Nay ông đồng ý trả cho ông T1 số nợ gốc là 200.000.000 đồng, ông không có khả năng trả tiền lãi và trả một lần theo yêu cầu của ông T1 nên ông yêu cầu ông T1 cho ông trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời hạn trả bắt đầu từ ngày 30/6/2017.

Ông yêu cầu ông T1 trả lại cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V357467 số 2990/QSDĐ với diện tích 2.802 m² do Ủy ban nhân dân huyện Bình

Chánh cấp cho ông ngày 25/6/2002, trong quá trình giải quyết do không hiểu biết pháp luật nên ông không có đơn yêu cầu phản tố về việc hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

* Bà Du Bích L trình bày:

Bà là vợ ông T2, hiện vợ chồng bà còn chung sống với nhau nhưng việc ông T2 vay tiền của ông T1 để sử dụng riêng bà không biết, đến ngày 10/4/2017 bà mới được ông T1 thông báo. Tuy không sử dụng tiền do ông T2 vay, nhưng vì trách nhiệm với chồng nên bà có đồng ý ký xác nhận nợ với ông T1 và bà đồng ý có nghĩa vụ trả nợ chung với ông T2. Nhưng hiện nay gia đình bà rất khó khăn, không có khả năng trả lãi đối với số nợ vay, bà chỉ đồng ý trả nợ gốc là 200.000.000 đồng và trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Đối với phần đất mà ông T2 đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 là tài sản chung của vợ chồng, nhưng khi làm giấy đăng ký ông T2 đứng tên một mình để tiện cho việc giao dịch sau này. Nay bà yêu cầu được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Ông Trần Đức T1 khởi kiện yêu cầu ông Võ Bình T2, bà Du Bích L có nơi cư trú tại phường 13, Quận 6 trả số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Theo Công văn số 325/CV-VKS ngày 16/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 thì vụ án không thuộc Tr hợp phải có sự tham gia của Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.]*

[2. Về nội dung:

Ngày 05/7/2014, ông Trần Đức T1 cho ông Võ Bình T2 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, việc vay tiền có lập thành văn bản. Để đảm bảo cho việc thanh toán thì ông T2 thế chấp cho ông T1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V357467 số 2990/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp cho ông Võ Bình T2 ngày 25/6/2002.

Tuy việc vay tiền chỉ một mình ông T2 giao dịch, ký tên trong biên nhận, nhưng sau đó ông T1 có thông báo với vợ ông T2 là bà Du Bích L biết và ngày 10/4/2017 thì bà L đã đồng ý ký xác nhận nợ cùng với ông T2 đối với ông T1 tại biên bản nhận nợ với tổng số tiền nợ cả gốc và lãi là 300.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông T2 và bà L đều thừa nhận lời trình bày của ông T1 là đúng và xác nhận chữ ký trong các biên bản nhận nợ là của ông, bà. Do đó, việc ông T1 yêu cầu ông Võ Bình T2 và bà Du Bích L cùng có nghĩa vụ thanh toán

số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 BLDS 2005.

- Đối với yêu cầu về việc tính lãi suất của khoản tiền vay: Theo đơn khởi kiện ông T1 yêu cầu ông T2, bà L thanh toán số tiền nợ 300.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/4/2017. Nhưng thực chất trong biên nhận này có 200.000.000 đồng tiền gốc được ghi nhận trong giấy biên nhận ngày 05/7/2014, còn 100.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 23/8/2017, đại diện theo ủy quyền của ông T1 cũng thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu tính lãi suất của số tiền gốc 200.000.000 đồng theo quy định kể từ ngày vay là 05/7/2014 đến khi thanh toán xong. Xét thấy, yêu cầu thay đổi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giấy nhận nợ ngày 10/4/2017 giữa ông Trần Đức T1 với ông Võ Bình T2, bà Du Bích L không còn giá trị pháp lý nên hủy bỏ.

Xét thấy, hợp đồng vay giữa ông T1 và ông T2, bà L là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi và có thời hạn nên lãi suất trong hạn được tính theo quy định Điều 476 và lãi suất quá hạn được tính theo Khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy, lãi trong hạn được tính = 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (0,75%/tháng). Cụ thể được tính như sau:

- Lãi suất trong hạn là từ ngày 05/7/2014 đến 05/7/2015: $200.000.000 \text{ đồng} \times (0,75 \times 150\%) \times 12 \text{ tháng} = 27.000.000 \text{ đồng} (1)$.

- Thời hạn tính lãi quá hạn là từ ngày 05/7/2015 đến ngày 07/12/2017 (29 tháng 02 ngày). Do các bên không thỏa thuận lãi suất quá hạn nên mức lãi suất quá hạn được tính theo khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 là theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 29 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} = 43.600.000 \text{ đồng} (2)$.

Trong tổng số nợ trên, ông Võ Bình T2 trình bày đã trả cho ông T1 khoảng 12 tháng tiền lãi, mỗi tháng 4.000.000 đồng, nhưng ông T1 chỉ thừa nhận ông T2 trả 02 tháng tiền lãi là 8.000.000 đồng. Ông T2 không chứng minh được về số tiền lãi đã trả nên không có căn cứ để khấu trừ. Vì vậy số tiền lãi trong hạn (1) và quá hạn (2) là: $27.000.000 \text{ đồng} + 43.600.000 \text{ đồng} - 8.000.000 \text{ đồng} = 62.600.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền gốc và lãi ông Võ Bình T2 và bà Du Bích Liên: $200.000.000 \text{ đồng} + 62.600.000 = 262.600.000 \text{ đồng}$.]

[Đối với hợp đồng thế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Võ Bình T2 với ông Trần Đức T1, không có công chứng, chứng thực và không đăng ký giao dịch bảo đảm là không tuân thủ quy định tại Điều 717, 719 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 nên giao dịch dân sự không có hiệu lực. Do đó, buộc ông Trần Đức T1 có nghĩa vụ giao trả cho ông Võ Bình T2 Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất V357467 số 2990/QSDĐ ngày 25/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp cho ông Võ Bình T2.

[3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T2, bà Lcó nghĩa vụ thanh toán nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 7 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Mức án phí được tính: $262.600.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.130.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho ông T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp]

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 717, Điều 719 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T1 đối với ông Võ Bình T2 và bà Du Bích Liên, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”: Buộc ông Võ Bình T2 và bà Du Bích Lcó nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Đức T1 số tiền nợ là 262.600.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Trần Đức T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Võ Bình T2 và bà Du Bích Lchưa thanh toán đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông T2, bà Lcòn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc ông Trần Đức T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Bình T2, bà Du Bích Lgiấy chứng nhận quyền sử dụng đất V357467 số 2990/QSDĐ ngày 25/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp cho ông Võ Bình T2.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Bình T2 và bà Du Bích Lphải chịu 13.130.000 đồng (Mười ba triệu một trăm ba mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Đức T1 số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0027608 ngày 04/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú